



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Quản trị doanh nghiệp thương mại

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001031638	Lê Việt	Hoàng	12/07/2003	QT10A	01	73	3,8	01	Hoàng	HP
2	000002	1001030626	Nguyễn Văn	Mạnh	04/04/2004	QT10A	01	74	5,0	01	Mạnh	chấn
3	000003	1001030470	Hoàng Bá Nam	Anh	24/09/2004	QT10B	01	75	3,3	01	Anh	le?
4	000004	1001031207	Trương Mạnh	Cường	10/02/2004	QT10B	01	76	5,8	01	Cường	chấn
5	000005	1101031146	Trịnh Hương	An	08/04/2005	QT11A	01	77	4,5	01	An	le?
6	000006	1101031429	Lê Hải	Anh	17/08/2005	QT11A	01	78	6,5	01	Hải Anh	chấn
7	000007	1101030469	Lê Quang	Anh	23/10/2005	QT11A	01	79	4,5	01	Anh	le?
8	000008	1101030483	Phạm Thị Nguyệt	Anh	13/02/2005	QT11A	01	80	4,5	01	Anh	chấn
9	000009	1101030495	Ngô Thị Nguyệt	Ánh	05/11/2005	QT11A	01	81	6,3	01	Anh	le?
10	000010	1101030500	Nguyễn Đức Tùng	Bách	02/12/2005	QT11A	01	82	5,5	01	Bách	chấn
11	000011	1101031438	Lê Thanh	Bình	06/08/2005	QT11A	01	83	4,3	01	Bình	le?
12	000012	1101031168	Nguyễn Thắng	Đông	23/08/2005	QT11A	01	84	5,8	01	Đông	chấn
13	000013	1101030519	Nguyễn Anh	Dũng	20/12/2005	QT11A	01	85	5,8	01	Dũng	le?
14	000014	1101030525	Đào Quang	Duy	19/02/2005	QT11A	01	86	4,3	01	Duy	HPchấn
15	000015	1101030530	Đoàn Thị Mỹ	Duyên	24/03/2005	QT11A	01	87	6,5	01	Duyên	le?
16	000016	1101031412	Nguyễn Nam	Giang	04/03/2005	QT11A	01	88	7,5	01	Giang	chấn
17	000017	1101030538	Đặng Hoàng	Hải	09/05/2005	QT11A	01	89	5,5	01	Hải	le?
18	000018	1101031359	Lê Thị Diễm	Hằng	17/11/2005	QT11A	01	90	7,3	01	Hằng	chấn
19	000019	1101030543	Nguyễn Thị	Hào	24/03/2005	QT11A	01	91	5,5	01	Hào	le?
20	000020	1101030548	Nguyễn Tuấn	Hiệp	15/11/2005	QT11A	01	92	5,0	01	Hiệp	chấn
21	000021	1101030437	Lê Kim	Huệ	06/09/2005	QT11A	01	93	5,8	1	Huệ	le?
22	000022	1101030559	Phạm Thị	Huệ	12/10/2005	QT11A	01	94	5,3	01	Huệ	chấn
23	000023	1101030561	Phùng Tuấn	Hùng	13/09/2005	QT11A	01	95	8,5	1	Hùng	le?
24	000024	1101031731	Đỗ Thu	Hương	07/08/2005	QT11A	01	96	6,5	2	Hương	chấn
25	000025	1101031196	Khổng Thị Lan	Hương	09/04/2005	QT11A	01	97	6,0	1	Hương	le?
26	000026	1101030829	Lương Gia	Huy	24/09/2005	QT11A	01	98	5,8	1	Huy	chấn
27	000027	1101031198	Đỗ Chu Khánh	Huyền	15/01/2005	QT11A	01	99	5,0	01	Huyền	HP
28	000028	1101030399	Nguyễn Thị	Huyền	28/06/2005	QT11A	01	100	5,5	1	Huyền	chấn
29	000029	1101030580	Nguyễn Quốc	Khánh	01/09/2005	QT11A	01	101	5,5	1	Khánh	HP
30	000030	1101030581	Đỗ Trung	Kiên	28/04/2005	QT11A	01	102	6,0	1	Kiên	chấn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
31	000031	1101030588	Phan Thị	Liễu	31/12/2004	QT11A	01	103	5,8	01	Liễu	HP
32	000032	1101030603	Nguyễn Thùy	Linh	23/03/2005	QT11A	01	104	8,3	01	Linh	
33	000033	1101031371	Phạm Thị Hồng	Lĩnh	11/12/2005	QT11A	01	105	6,3	01	Lĩnh	HP
34	000034	1101030608	Đào Văn	Lộc	19/11/2005	QT11A	01	106	4,8	01	Lộc	HP
35	000035	1101030616	Trần Thị Hương	Ly	26/01/2005	QT11A	01	107	5,0	01	Ly	lẻ
36	000036	1101031215	Đình Thế	Minh	04/12/2005	QT11A	01	108	6,8	1	Thế	Chẵn
37	000037	1101030627	Phạm Hồng	Minh	04/12/2005	QT11A	01	109	4,5	1	minh	lẻ
38	000038	1101030628	Trịnh Công	Minh	09/11/2005	QT11A	01	110	3,5	1	Minh	Chẵn

Tổng số sinh viên dự thi:.....38..

Tổng số tờ giấy thi:.....39..

Tổng số biên bản:.....0..

Ngày: 8 tháng 6 Năm 2026

Cán bộ coi thi 1      Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thu Liễu

Bùi Thị Nhung



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Quản trị doanh nghiệp thương mại

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000039	1101030638	Nguyễn Thúy	Nga	14/07/2005	QT11A	01	1	3,5	01	<i>Ng</i>	HP <i>le?</i>
2	000040	1101030643	Nguyễn Thị Bích	Ngân	25/09/2005	QT11A	01	2	6,0	01	<i>ln</i>	chấn
3	000041	1101031732	Nguyễn Thanh	Ngoan	01/04/2005	QT11A	01	3	6,5	01	<i>Ngoan</i>	le
4	000042	1101030660	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	08/05/2005	QT11A	01	4	6,0	01	<i>Nhung</i>	chấn
5	000043	1101030665	Nguyễn Đình	Phi	08/09/2005	QT11A	01	5	2,8	01	<i>Phi</i>	HP <i>le?</i>
6	000044	1101031222	Bùi Thu	Phuong	23/09/2005	QT11A	01	6	6,5	01	<i>Phuong</i>	chấn
7	000045	1101030681	Vũ Nguyễn Đình	Quang	15/04/2005	QT11A	01	7	6,8	02	<i>Quang</i>	le
8	000046	1101031420	Lê Thị Diễm	Quỳnh	26/08/2005	QT11A	01	8	5,0	01	<i>Quỳnh</i>	chấn
9	000047	1101031366	Lưu Danh	Thái	14/02/2005	QT11A	01	9	2,8	01	<i>Thái</i>	HP <i>le?</i>
10	000048	1101031229	Nguyễn Thị	Thảo	05/05/2005	QT11A	01	10	7,0	02	<i>Thảo</i>	chấn
11	000049	1101030420	Vũ Minh	Thu	02/11/2005	QT11A	01	11	7,3	01	<i>Thu</i>	le
12	000050	1101030731	Phạm Xuân	Trung	26/08/2005	QT11A	01	12	4,5	01	<i>Xuan</i>	chấn
13	000051	1101031252	Nguyễn Thị Hà	Uyên	08/11/2005	QT11A	01	13	2,0	01	<i>Uyên</i>	HP <i>le?</i>
14	000052	1101030743	Nguyễn Thị Hồng	Vân	13/08/2005	QT11A	01	14	6,0	01	<i>Vân</i>	chấn
15	000053	1101030752	Nguyễn Ý	Vy	02/10/2005	QT11A	01	15	4,0	01	<i>Vy</i>	HP <i>le?</i>
16	000054	1001030504	Hà Văn	Chung	30/06/2003	QT10B	02	16	4,8	01	<i>Ch</i>	chấn
17	000055	1001030575	Vũ Đức Quang	Huy	27/10/1999	QT10B	02	17	4,3	01	<i>Quoc</i>	HP <i>le?</i>
18	000056	1101030466	Bùi Thị Ngọc	Anh	30/11/2005	QT11B	02	18	6,3	01	<i>Ngoc</i>	chấn
19	000057	1101031456	Chu Phương	Anh	28/01/2003	QT11B	02	19	4,8	01	<i>Phu</i>	HP <i>le?</i>
20	000058	1101030489	Trần Hoàng	Anh	05/08/2001	QT11B	02	20	3,8	01	<i>Anh</i>	chấn
21	000059	1101030491	Vũ Duy	Anh	07/02/2003	QT11B	02	21	5,5	01	<i>Anh</i>	le?
22	000060	1101030496	Nguyễn Ngọc	Ánh	24/12/2005	QT11B	02	22	6,5	01	<i>Anh</i>	chấn
23	000061	1101030502	Phạm Ngọc	Biên	30/03/2005	QT11B	02	23	7,0	01	<i>Biên</i>	le?
24	000062	1101031161	Khuất Duy	Cường	01/01/2005	QT11B	02					HP,ĐK
25	000063	1101031165	Lê Thành	Đạt	26/02/2004	QT11B	02	24	4,8	01	<i>Đạt</i>	le?
26	000064	1101030526	Nguyễn Đức	Duy	09/07/2005	QT11B	02	25	7,5	01	<i>Đuy</i>	chấn
27	000065	1101030529	Trần Văn	Duy	23/10/2003	QT11B	02	26	5,0	01	<i>Duy</i>	le?
28	000066	1101030805	Nguyễn Ngọc	Giang	30/09/2005	QT11B	02	27	7,5	02	<i>Giang</i>	chấn
29	000067	1101030947	Giang Thị	Hà	25/12/2005	QT11B	02	28	2,5	01	<i>Hà</i>	le?
30	000068	1101030539	Nguyễn Duy	Hải	02/09/2005	QT11B	02	29	4,8	01	<i>Hải</i>	chấn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
31	000069	1101030542	Nguyễn Thị Thu	Hằng	14/02/2005	QT11B	02	30	3,8	01	Hằng	lẻ
32	000070	1101031189	Đoàn Trung	Hiếu	02/12/2005	QT11B	02	31	4,5	01	Hiếu	chẵn
33	000071	1101030558	Phạm Minh	Huệ	10/04/2005	QT11B	02	32	3,5	01	Huệ	lẻ
34	000072	1101030560	Mẫn Đức Mạnh	Hùng	01/08/2005	QT11B	02	33	4,3	01	Hùng	chẵn
35	000073	1001031233	Nguyễn Văn	Hùng	19/10/2004	QT11B	02	34	1,8	01	Hùng	lẻ
36	000074	1101030563	Hoàng Tuấn	Hưng	28/08/2005	QT11B	02	35	5,8	01	Hưng	chẵn
37	000075	1101030564	Lê Mai	Hương	11/08/2005	QT11B	02	36	7,5	02	hu	lẻ
38	000076	1101031360	Phạm Tuấn	Huy	03/07/2002	QT11B	02	37	5,3	01	ph	chẵn


Tổng số sinh viên dự thi: ...37...

Tổng số tờ giấy thi: ...42...

Tổng số biên bản: ...0.....

Ngày ... 08 tháng 6.. Năm 2026

Cán bộ coi thi 1      Cán bộ coi thi 2

  
Trần Phi Phan Văn

  
Phan Ngọc



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Quản trị doanh nghiệp thương mại

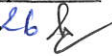
STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000077	1101030441	Lưu Thị Thu	Huyền	26/11/2005	QT11B	02	38	2,3	1	Huyền	lẻ
2	000078	1101030131	Đỗ Thị	Khuyên	28/06/2005	QT11B	02	39	5,3	1	Khuyên	chẵn
3	000079	1101031385	Hoàng Thị Mai	Lan	17/11/2005	QT11B	02	40	4,5	1	Lan	lẻ
4	000080	1001031250	Nguyễn Thị	Lan	20/07/2004	QT11B	02	41	5,0	1	gk	chẵn
5	000081	1101030589	Bùi Lê Phương	Linh	23/09/2004	QT11B	02	42	8,3	02	linh	lẻ
6	000082	1101030598	Nguyễn Khánh	Linh	03/08/2005	QT11B	02	43	6,0	1	linh	chẵn
7	000083	1101030599	Nguyễn Khánh	Linh	13/12/2005	QT11B	02	44	6,0	1	linh	lẻ
8	000084	1101030606	Vũ Phương	Linh	31/12/2005	QT11B	02	45	7,3	1	linh	chẵn
9	000085	1101030609	Ngô Gia	Lợi	23/10/2005	QT11B	02	46	1,8	1	lợi	lẻ
10	000086	1101030614	Phạm Khánh	Ly	16/10/2005	QT11B	02	47	5,5	1	ly	chẵn
11	000087	1101030617	Vũ Khánh	Ly	06/12/2005	QT11B	02	48	7,5	1	ly	lẻ
12	000088	1101030620	Đỗ Ngọc	Mai	06/06/2005	QT11B	02	49	5,8	1	mai	chẵn
13	000089	1101030626	Hồ Văn Nhật	Minh	29/03/2005	QT11B	02	50	3,0	1	nhật	lẻ
14	000090	1101031365	Thạch Thị Ngọc	Minh	27/03/2004	QT11B	02	51	5,3	1	thạch	chẵn
15	000091	1101030629	Lường Thị	Mùng	18/01/2004	QT11B	02	52	4,3	1	mùng	lẻ
16	000092	1101030642	Nguyễn Kim	Ngân	03/08/2005	QT11B	02	53	8,0	02	ngân	chẵn
17	000093	1101030651	Giáp Thị Thảo	Nguyên	16/07/2005	QT11B	02	54	4,0	1	nguyên	lẻ
18	000094	1101030872	Lê Thu Ánh	Nguyệt	19/08/2005	QT11B	02	55	6,3	1	nguyệt	chẵn
19	000095	1101031219	Đỗ Thị Quỳnh	Như	17/02/2005	QT11B	02	56	4,5	1	như	lẻ
20	000096	1101030666	Nguyễn Xuân	Phong	18/04/2005	QT11B	02	57	7,5	1	phong	chẵn
21	000097	1101031224	Kiều Anh	Quân	04/08/2005	QT11B	02	58	4,3	1	quân	lẻ
22	000098	1101030886	Phùng Minh	Quân	19/08/2005	QT11B	02	59	5,3	1	quân	chẵn
23	000099	1101030684	Trương Như	Quỳnh	02/07/2005	QT11B	02					ĐK
24	000100	1101030701	Ngô Thanh	Thảo	07/12/2005	QT11B	02	60	7,5	1	thảo	chẵn
25	000101	1101030709	Trần Hoài	Thương	04/11/2005	QT11B	02	61	3,8	1	thương	lẻ
26	000102	1101031421	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	06/03/2005	QT11B	02	62	6,0	1	tiên	chẵn
27	000103	1101031389	Đỗ Thị Huyền	Trang	06/12/2005	QT11B	02	63	2,8	1	trang	lẻ
28	000104	1101030721	Hoàng Thị Quỳnh	Trang	18/06/2005	QT11B	02	64	6,8	2	trang	chẵn
29	000105	1101030728	Nguyễn Kiều	Trinh	03/10/2005	QT11B	02	65	4,3	1	trinh	lẻ
30	000106	1101030739	Nguyễn Thị Hải	Uyên	12/05/2005	QT11B	02	66	5,5	1	uyên	chẵn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
31	000107	1101030741	Thẩm Thị Tố	Uyên	30/09/2005	QT11B	02	67	5,0	1	Uyên	HP Đã nộp
32	000108	1101031254	Vũ Hồng	Vân	10/11/2005	QT11B	02	68	6,5	1	Vân	chẵn
33	000109	1101030750	Ngô Đăng	Vũ	07/08/2005	QT11B	02	69	3,8	1	Vũ	HP Đã nộp
34	000110	1101031255	Nguyễn Hà	Vy	16/05/2005	QT11B	02	70	7,5	1	Vy	chẵn
35	000111	1101030755	Chữ Thị	Yến	11/06/2005	QT11B	02	71	2,5	1	Yến	lẻ
36	000112	1101031368	Nguyễn Bảo	Yến	09/10/2005	QT11B	02	72	5,5	1	Yến	chẵn
37	000113	0901030235	Chu Thị Châm	Oanh	26/10/2003	QT9A	02					HP,ĐK

Tổng số sinh viên dự thi:.....35..

Tổng số tờ giấy thi:.....38.....

Tổng số biên bản:.....0.....

Ngày 08... tháng 6... Năm 2016 

Cán bộ coi thi 1      Cán bộ coi thi 2

   
 Bùi Thị Yến      Đỗ Thị Liên